

Số: ~~64~~ /2016/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 12 năm 2016

## NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2017, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ BA

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017;*

*Xét Tờ trình số 9679/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc đề nghị phê duyệt định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2017, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2017, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân thành phố

1. Tổ chức và chỉ đạo các sở, ban, ngành và các địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Trong trường hợp bổ sung hoặc sửa đổi các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2017, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 ngoài các quy định tại Nghị quyết thì Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.

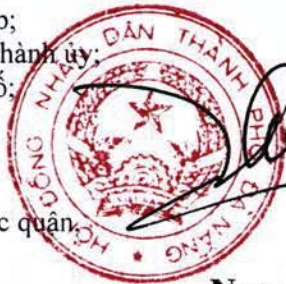
**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng Khóa IX, Kỳ họp thứ ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và áp dụng từ năm ngân sách 2017./.

**Nơi nhận:**

- UBND, Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Bộ Tài chính, Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- BTV Thành ủy, cơ quan tham mưu giúp việc của Thành ủy;
- Đại biểu HĐND thành phố; Đoàn ĐBQH thành phố;
- UBND, UBMTTQ thành phố;
- VP HĐND, VPUBND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Quận, huyện ủy; HĐND, UBND, UBMTTQVN các quận, huyện; HĐND, UBND phường, xã;
- Báo ĐN, Báo CATP ĐN, Đài PTTH ĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TH.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Xuân Anh**

## QUY ĐỊNH

**Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2017, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 64 /2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 là căn cứ để xây dựng dự toán chi thường xuyên năm 2017 (năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020) đối với các cơ quan, đơn vị và địa phương; đồng thời là cơ sở để trình cấp có thẩm quyền quyết định số bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố cho ngân sách địa phương, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách thành phố và ngân sách địa phương trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 theo quy định của Luật NSNN.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan thành phố; Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

### **Điều 3. Nguyên tắc phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương**

1. Tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện và kiểm tra; đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch.
2. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương phải đảm bảo góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng giai đoạn 2017 - 2020 của thành phố, cũng như ở từng địa phương; ưu tiên bố trí kinh phí cho những lĩnh vực quan trọng (giáo dục, đào tạo, dạy nghề; khoa học, công nghệ;...).
3. Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương năm 2017 và cả giai đoạn 2017 - 2020.
4. Định mức phân bổ của ngân sách địa phương đã bao gồm toàn bộ nhu cầu kinh phí ngân sách thành phố hỗ trợ thực hiện các chế độ chính sách do trung ương và thành phố ban hành đến ngày 30 tháng 9 năm 2016 và tiền lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng.
5. Bảo đảm dự toán chi thường xuyên của từng địa phương khi thực hiện định mức phân bổ mới có mức tăng hợp lý so với dự toán năm 2016 đã được Hội đồng

nhân dân thành phố quyết định, Ủy ban nhân dân thành phố giao.

6. Tăng tính chủ động, hiệu quả trong điều hành ngân sách của các cấp ngân sách địa phương (quận, huyện, phường, xã).

7. Thúc đẩy thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công; đẩy nhanh tiến độ triển khai tự chủ của các cơ sở sự nghiệp công lập để giảm mức hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn đảm bảo chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hóa, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế - xã hội.

#### **Điều 4. Tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương**

1. Tiêu chí dân số:

a) Dân số được xác định theo số liệu do Cục Thống kê Đà Nẵng cung cấp.

b) Phân vùng dân số như sau:

- Phân vùng đối với quận, huyện:

+ Vùng đô thị: Hải Châu, Thanh Khê, Liên Chiểu, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Cẩm Lệ.

+ Vùng đồng bằng: huyện Hòa Vang.

+ Hải đảo: Huyện Hoàng Sa.

- Phân vùng đối với phường, xã: áp dụng theo tiêu chí phân loại đơn vị hành chính, riêng các xã đơn vị hành chính loại 1 thuộc huyện Hòa Vang thuộc vùng đồng bằng nên phân loại ở vùng 2, cụ thể như sau:

+ Vùng 1 (đơn vị hành chính loại 1), gồm 35 phường, xã (đơn vị hành chính loại I): Hải Châu 1, Hải Châu 2, Thạch Thang, Thanh Bình, Thuận Phước, Hòa Cường Bắc, Hòa Thuận Đông (thuộc quận Hải Châu); An Khê, Hòa Khê, Thanh Khê Tây, Xuân Hà, Tam Thuận, Chính Gián, Thạc Gián, Tân Chính, Vĩnh Trung (thuộc quận Thanh Khê); An Hải Đông, An Hải Bắc, Phước Mỹ, Mân Thái, Nại Hiên Đông, Thọ Quang (thuộc quận Sơn Trà); Hòa Quý, Khuê Mỹ, Hòa Hải, Mỹ An (thuộc quận Ngũ Hành Sơn); Hòa Khánh Bắc, Hòa Minh, Hòa Hiệp Bắc, Hòa Hiệp Nam, Hòa Khánh Nam (thuộc quận Liên Chiểu); Hòa An, Hòa Thọ Tây, Hòa Xuân, Khuê Trung (thuộc quận Cẩm Lệ).

+ Vùng 2 (đơn vị hành chính loại 2), gồm 18 phường (đơn vị hành chính loại II): Hòa Cường Nam, Hòa Thuận Tây, Bình Thuận, Bình Hiên, Phước Ninh, Nam Dương (thuộc quận Hải Châu); Thanh Khê Đông (thuộc quận Thanh Khê); An Hải Tây (thuộc quận Sơn Trà); Hòa Thọ Đông, Hòa Phát (thuộc quận Cẩm Lệ); Hòa Liên, Hòa Châu, Hòa Phước, Hòa Tiến, Hòa Khương, Hòa Nhơn, Hòa Phong, Hòa Sơn (thuộc huyện Hòa Vang).

+ Vùng 3, gồm 3 xã: Hòa Bắc, Hòa Ninh, Hòa Phú (thuộc huyện Hòa Vang).

2. Tiêu chí hộ nghèo, hộ cận nghèo: Hộ nghèo, hộ cận nghèo được xác định theo Nghị quyết số 108/2015/NQ-HĐND ngày 09/7/2015 của HĐND thành phố về thông qua chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

3. Tiêu chí biên chế, giường bệnh, sinh viên: Xác định theo số biên chế, giường bệnh, sinh viên được cấp có thẩm quyền giao.

**Điều 5. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc UBND thành phố và các cơ quan thành phố**

**1. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể**

Đơn vị: triệu đồng/định biên/năm

Đơn vị	Định mức phân bổ
1. Cơ quan Đảng	65
2. Cơ quan hành chính, tổ chức chính trị - xã hội	52
3. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các hội đặc thù	36

a) Định mức phân bổ trên bao gồm:

Các khoản chi hành chính có tính chất thường xuyên phục vụ hoạt động của bộ máy các cơ quan, đơn vị như: Tiền thưởng, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, công tác phí, hội nghị, hội thảo, khánh tiết; kinh phí hoạt động lực lượng tự vệ, công tác Đảng, đoàn thể, cải cách thủ tục hành chính, ISO; chi công tác tập huấn, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, xây dựng, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động theo quy định; chi công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động chuyên môn theo chức năng nhiệm vụ của ngành; kinh phí duy trì, vận hành trang thông tin điện tử; các khoản kinh phí mua sắm, thay thế các công cụ, dụng cụ; kinh phí sửa chữa thường xuyên tài sản và chi khác.

b) Định mức phân bổ được quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 5 không bao gồm:

- Chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất tiền lương;
- Chi mua sắm, sửa chữa lớn tài sản theo tiêu chuẩn định mức quy định và theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách nhà nước;
- Các khoản chi đặc thù phát sinh không thường xuyên khác được cơ quan có thẩm quyền quyết định và chi hoạt động các Ban Chỉ đạo thực hiện theo quy định của Trung ương và địa phương.

c) Phạm vi áp dụng

- Định mức phân bổ được áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động theo quy định của Luật NSNN;

- Đối với tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các hội đặc thù được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định hiện hành.

## **2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp**

Ngân sách hỗ trợ chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo lộ trình thực hiện cơ chế tự chủ được quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và các Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập theo từng lĩnh vực, cụ thể:

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ đối với dịch vụ sự nghiệp công nằm trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền ban hành và theo cơ chế giá do cơ quan có thẩm quyền quy định theo pháp luật về giá.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí), được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá, phí chưa tính đủ chi phí:

Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nằm trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền ban hành và theo giá, phí do cơ quan có thẩm quyền quy định chưa tính đủ chi phí.

Ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình quy định.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp):

Thực hiện theo quy định hiện hành, ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên ổn định trong thời gian 03 năm và được điều chỉnh khi Nhà nước thay đổi nhiệm vụ, cơ chế chính sách theo quy định. Trên cơ sở quỹ tiền lương, phụ cấp, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đặc thù, chi hoạt động thường xuyên được vận dụng tối đa bằng định mức chi hành chính và nguồn thu dịch vụ công, các đơn vị xác định mức ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên.

Phân bổ chi thường xuyên các lĩnh vực chi sự nghiệp của ngân sách thành phố theo nguyên tắc sau:

- NSNN giảm cấp chi thường xuyên cho các cơ sở sự nghiệp công đối với các khoản chi đã được kết cấu vào phí, lệ phí, thu khác và giá dịch vụ theo lộ trình điều

chính giá dịch vụ của từng lĩnh vực sự nghiệp công. Kinh phí được dành để tăng nguồn đảm bảo chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo Đề án được cấp có thẩm quyền quyết định, tăng chi mua sắm sửa chữa tài sản và tăng chi đầu tư phát triển, trên cơ sở đó cơ cấu lại các lĩnh vực chi ngân sách thường xuyên và từng bước cơ cấu lại chi NSNN.

- Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, bố trí theo tiến độ thực hiện nhiệm vụ và khả năng cân đối NSNN hàng năm, ưu tiên các nhiệm vụ chuyên tiếp, chỉ bố trí cho các nhiệm vụ mới sau khi phân bổ đủ các nhiệm vụ chuyên tiếp hoặc nhiệm vụ mới phải thật sự cấp bách. Không phân bổ kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phê duyệt không đúng thẩm quyền và không xác định được nguồn kinh phí đảm bảo.

- Định mức phân bổ kinh phí theo định biên đơn vị sự nghiệp: 36 triệu đồng/định biên/năm.

### **2.1. Chi sự nghiệp giáo dục**

a) Chi con người gồm tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tối đa 80% và chi cho hoạt động giảng dạy và học tập tối thiểu 20%, cụ thể như sau:

- Đối với các Trường Chuyên biệt và Trường chuyên Lê Quý Đôn đảm bảo đủ 20% chi khác;

- Đối với các trường còn lại, chi khác được phân bổ 18% cho các trường và 2% tập trung tại Sở Giáo dục & Đào tạo để chi cho các hoạt động sự nghiệp của ngành.

b) Kinh phí thực hiện miễn giảm học phí, hỗ trợ học bổng, chi phí học tập và thực hiện các chính sách theo quy định được tính theo đối tượng, chế độ hiện hành.

c) Kinh phí thực hiện các đề án thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách UBND thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.

### **2.2. Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề**

Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, hàng năm yêu cầu các đơn vị phấn đấu nâng mức tự đảm bảo trang trải nhu cầu chi từ nguồn dịch vụ đào tạo, dạy nghề (học phí) và các nguồn thu hợp pháp của mình, ngân sách phân bổ chi thường xuyên, cụ thể như sau:

#### **a) Trường Cao đẳng Nghề**

- Năm 2017: Ngân sách đảm bảo cơ cấu chi con người gồm tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương 90% và chi cho hoạt động giảng dạy và học tập 10%, số còn lại đơn vị tự đảm bảo từ nguồn thu học phí và các nguồn thu hợp pháp khác.

- Từ năm 2018 trở đi, thực hiện theo lộ trình của Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và Nghị quyết của HĐND thành phố, giảm dần tỉ lệ đảm bảo của ngân sách, tiến tới bù đắp từ các nguồn thu hợp pháp của đơn vị.

### **b) Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật**

- Năm 2017: Ngân sách đảm bảo cơ cấu chi con người gồm tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương 82% và chi cho hoạt động giảng dạy và học tập 18%; hỗ trợ kinh phí mở mã ngành đào tạo cao đẳng. Số còn lại đơn vị tự đảm bảo từ nguồn thu học phí và các nguồn thu hợp pháp khác.

- Từ năm 2018 trở đi, thực hiện theo lộ trình của Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và Nghị quyết của HĐND thành phố, giảm dần tỉ lệ đảm bảo của ngân sách, tiến tới bù đắp từ các nguồn thu hợp pháp của đơn vị.

### **c) Trung tâm Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao**

- Chi con người tính theo chế độ quy định và chi khác tính theo định mức chi hành chính trên cơ sở định biên giao.

- Kinh phí thực hiện Đề án Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên thực hiện theo các quyết định của UBND thành phố trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách.

### **d) Trường Chính trị**

- Chi lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương theo định biên được giao.

- Chi cho công tác đào tạo: Phân bổ theo chỉ tiêu học viên: 5.000.000 đồng/học viên/năm.

- Chi mua sắm, sửa chữa tài sản và chi các hoạt động khác theo phê duyệt của Thành ủy.

### **đ) Trung tâm giáo dục nghề nghiệp Đà Nẵng**

Chi con người tính theo chế độ quy định và chi khác tính theo định mức chi hành chính trên cơ sở định biên giao.

### **e) Đào tạo, dạy nghề**

Ngân sách thành phố đảm bảo kinh phí thực hiện: Đào tạo dạy nghề theo chủ trương của thành phố và Trung ương; đào tạo lại, bồi dưỡng, nâng cao trình độ theo Kế hoạch của Thành ủy và UBND thành phố tùy khả năng cân đối ngân sách.

## **2.3. Chi sự nghiệp y tế, dân số và kế hoạch hóa gia đình**

Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, hằng năm yêu cầu các đơn vị phấn đấu nâng mức tự đảm bảo trang trải nhu cầu chi từ nguồn dịch vụ y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình và các nguồn thu hợp pháp của mình, ngân sách phân bổ hỗ trợ chi thường xuyên, cụ thể như sau:

#### **a) Công tác khám, chữa bệnh**

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên được thực hiện theo quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định hiện hành về giá và lộ trình thực hiện giá dịch vụ y tế. Năm 2017, ngân sách phân bổ chi con người và chi khác theo định mức cho đối tượng thu hút theo chủ

trương của thành phố. Từ năm 2018, đơn vị tự cân đối từ nguồn thu của đơn vị để thực hiện.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ, được phân bổ một phần chi phí khi chưa kết cấu trong giá dịch vụ y tế, cụ thể:

+ Chi cho con người tính theo chế độ quy định trên cơ sở định biên giao.

+ Chi khác tính theo định mức giường bệnh: 22 triệu đồng/giường bệnh/năm đối với Bệnh viện tâm thần, Bệnh viện Phổi; 17 triệu đồng/giường bệnh/năm đối với các bệnh viện còn lại (kể cả các Trung tâm Y tế quận, huyện).

- Đối với chi hoạt động của Trạm y tế phường, xã: Chi con người đảm bảo tính đủ theo chế độ quy định; Chi khác theo định biên được giao và hỗ trợ chi hoạt động 50 triệu đồng/Trạm/năm.

b) Công tác phòng bệnh và thực hiện các hoạt động sự nghiệp y tế khác

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên được thực hiện theo quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định hiện hành về giá và lộ trình thực hiện giá dịch vụ y tế. Năm 2017, ngân sách phân bổ chi con người và chi khác theo định mức cho đối tượng thu hút theo chủ trương của thành phố. Từ năm 2018, đơn vị tự cân đối từ nguồn thu của đơn vị để thực hiện.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ được phân bổ như sau: chi cho con người tính theo chế độ quy định trên cơ sở định biên giao; chi khác tính theo định mức chi hành chính trên cơ sở định biên giao; chi phí phục vụ công tác thu lệ phí được giao.

- Kinh phí hoạt động nghiệp vụ chuyên môn sự nghiệp y tế khác được ngân sách phân bổ theo mức cố định trên cơ sở tính toán các nhiệm vụ chi cụ thể căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách.

- Chi phòng, chống dịch ngân sách phân bổ theo tiêu chí dân số là 17.650 đồng/người dân/năm.

c) Công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình

- Chi cho con người và chi khác tính theo chế độ, định mức quy định trên cơ sở định biên giao;

- Kinh phí hỗ trợ lực lượng cộng tác viên dân số, sức khỏe cộng đồng và hoạt động sự nghiệp thường xuyên đối với các nhiệm vụ nhà nước giao được tính theo chế độ quy định.

d) Kinh phí mua sắm trang thiết bị y tế; kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình, vệ sinh an toàn thực phẩm; kinh phí thực hiện các chính sách và đề án theo phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền: Được phân bổ căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách.

#### **2.4. Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin**

Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, hằng năm yêu cầu các đơn vị phấn đấu nâng mức tự đảm bảo trang trải nhu cầu chi từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ và các nguồn thu hợp pháp của mình, ngân sách phân bổ chi thường xuyên, cụ thể như sau:

- Chi cho con người và chi khác tính theo chế độ, định mức quy định trên cơ sở định biên giao;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện xã hội hóa từ nhiều nguồn (thu sự nghiệp, dịch vụ; liên doanh, liên kết; vận động tài trợ...) theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ.
- Ngân sách phân bổ kinh phí hoạt động nghiệp vụ chuyên môn trên cơ sở các nhiệm vụ chi cụ thể theo danh mục dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách.

#### **2.5. Chi sự nghiệp thể dục thể thao**

Thực hiện theo quy định tại Điểm 2.4, Khoản 2, Điều 5, ngoài ra đối với kinh phí thực hiện chế độ cho huấn luyện viên và vận động viên được tính trên cơ sở các chế độ, chính sách đã có chủ trương của cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đối tượng và khả năng cân đối ngân sách.

**2.6. Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình:** Thực hiện theo quy định tại Điểm 2.4, Khoản 2, Điều 5.

#### **2.7. Chi đảm bảo xã hội**

- Chi cho con người và chi khác tính theo chế độ, định mức quy định trên cơ sở định biên giao;
- Chi thực hiện các chế độ, chính sách được phân bổ theo đối tượng, chế độ quy định hiện hành;
- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đặc thù đảm bảo xã hội khác và các đề án thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên theo các quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo khả năng cân đối ngân sách;
- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách đảm bảo một phần chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ, phấn đấu nâng mức tự đảm bảo trang trải nhu cầu chi của đơn vị từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.

#### **2.8. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**

- Ngân sách phân bổ hằng năm theo dự toán Trung ương giao.
- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 54/2016/NĐ-CP của Chính phủ, phấn đấu nâng mức tự đảm bảo trang trải nhu cầu chi của đơn vị từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.

## 2.9. Chi sự nghiệp môi trường

- Chi cho con người và chi khác tính theo chế độ, định mức quy định trên cơ sở định biên giao.

- Chi hoạt động sự nghiệp thường xuyên: Khuyến khích thực hiện xã hội hóa từ nhiều nguồn. Ngân sách thành phố bố trí đảm bảo kinh phí thực hiện công tác vệ sinh môi trường, chi quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị và các đề án, nhiệm vụ khác về bảo vệ môi trường theo danh mục dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước của cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với nhiệm vụ không thể xã hội hóa được và trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách đảm bảo một phần chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ, phấn đấu nâng mức tự đảm bảo trang trải nhu cầu chi của đơn vị từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.

## 2.10. Chi sự nghiệp kinh tế

- Mức phân bổ chung bằng 10% chi thường xuyên các lĩnh vực chi (quy định tại Khoản 1 và từ Điểm 2.1 đến Điểm 2.9, Khoản 2, Điều 5), trong đó chi cho con người và chi khác tính theo chế độ, định mức quy định trên cơ sở định biên giao.

- Chi hoạt động sự nghiệp kinh tế thường xuyên: Khuyến khích thực hiện xã hội hóa từ nhiều nguồn. Ngân sách thành phố bố trí đảm bảo kinh phí thực hiện theo từng lĩnh vực đối với nhiệm vụ không thể thực hiện xã hội hóa được và phân bổ thêm kinh phí ngoài cơ cấu để thực hiện các đề án, chương trình, kế hoạch theo danh mục dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước được cấp thẩm quyền phê duyệt tùy khả năng cân đối ngân sách.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách đảm bảo một phần chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ, phấn đấu nâng mức tự đảm bảo trang trải nhu cầu chi của đơn vị từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.

## 2.11. Chi quốc phòng, an ninh

Ngân sách đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được phân cấp cho địa phương theo Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị định của Chính phủ về quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, các văn bản quy phạm pháp luật khác và nhiệm vụ được thành phố giao theo khả năng cân đối ngân sách.

**3. Mức phân bổ chi thường xuyên khác:** Căn cứ vào khả năng ngân sách và các mục tiêu, nhiệm vụ (bao gồm chi hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên và các địa phương khác theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước), trợ giá xuất bản phẩm từ ngân sách cho mỗi tác phẩm không quá 55% giá thành sản phẩm. Mức phân bổ chi thường xuyên khác không thấp hơn 5% trên tổng chi thường xuyên.

**4. Dự phòng Ngân sách:** Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách nhà nước phân bổ dự phòng ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

## **Điều 6. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các quận huyện**

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập, định mức chi hành chính theo định biên được giao là định mức quy định tối đa cho một định biên đơn vị sự nghiệp, UBND quận huyện căn cứ loại hình đơn vị sự nghiệp (ngân sách đảm bảo chi thường xuyên, ngân sách đảm bảo một phần, đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên) để quy định cụ thể định mức chi hành chính cho từng loại hình đơn vị sự nghiệp cho phù hợp đảm bảo không vượt quá định mức tối đa tại quy định này.

Định mức chi thường xuyên chỉ để xác định tổng chi thường xuyên trong đó chi tiết lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ để Hội đồng nhân dân thành phố quyết định; các quận, huyện căn cứ vào tổng mức chi thường xuyên này phân bổ chi thường xuyên của ngân sách quận, huyện cho từng lĩnh vực chi phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Đồng thời, các chế độ chính sách tính năm đầu thời kỳ ổn định (2017-2020), các địa phương bảo đảm nguồn lực và chịu trách nhiệm thực hiện các chính sách do thành phố ban hành đảm bảo đúng đối tượng, thời gian quy định, ngân sách thành phố sẽ điều chỉnh tăng, giảm số bổ sung cho ngân sách quận, huyện theo quy định (nếu có) trong dự toán các năm sau.

Định mức phân bổ kinh phí theo định biên đơn vị sự nghiệp: 32 triệu đồng/định biên/năm.

### **1. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục**

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí định biên được giao:

Đảm bảo tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) 80%, chi cho hoạt động giảng dạy và học tập 20%. Trong đó, sử dụng không quá 2% trên chi cho hoạt động giảng dạy và học tập để chi cho các hoạt động tập trung của ngành do phòng Giáo dục quận, huyện thực hiện và chi tuyên truyền giáo dục phòng chống tham nhũng.

b) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung, gồm các chế độ, chính sách:

- Chế độ tiền ăn trưa cho trẻ 3-5 tuổi.

- Chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo TTLT 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC.

- Hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo TTLT 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC (QĐ 66/2013/QĐ-TTg).

- Chế độ học bổng cho học sinh dân tộc nội trú; học bổng, học phẩm cho học sinh các trường dân tộc; Tiền ăn đối với học sinh là người dân tộc kinh thuộc diện hộ nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số (thôn Tà Lang, Giàn Bí- xã Hoà Bắc – huyện Hòa Vang).

- Kinh phí " Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020" theo Đề án 281.

### **2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề**

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số trên 18 tuổi như sau:

Đơn vị: đồng/người dân/năm	
Vùng	Định mức phân bổ
Đô thị	11.100
Đồng bằng	12.200

Định mức chi trên được phân bổ cho Trung tâm Bồi dưỡng chính trị để hoạt động bộ máy theo định biên được giao, gồm: Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương; chi khác theo định biên và chi phục vụ hoạt động chuyên môn ngành.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: phân bổ tăng thêm kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo Quyết định 185-QĐ/TW ngày 03/9/2008 của Ban Bí thư theo số lượng đảng viên, CBCCC,NLĐ; cụ thể:

- Từ 6.000 người trở xuống: tính 10 triệu đồng/Trung tâm
- Trên 6.001 người đến 8.000 người: tính 30 triệu đồng/Trung tâm
- Trên 8.001 người đến 10.000 người: tính 50 triệu đồng/Trung tâm
- Từ 10.001 người trở lên: tính 70 triệu đồng/Trung tâm.

### 3. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình

a) Chi hoạt động của Trung tâm Dân số và kế hoạch hóa gia đình: được phân bổ theo tiêu chí biên chế như sau:

- Chi cho con người đảm bảo theo chế độ quy định trên cơ sở định biên giao.
- Chi khác theo định mức chi hành chính trên cơ sở định biên giao.

b) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung hỗ trợ cho Ban chỉ đạo thực hiện công tác dân số.

### 4. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin:

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số như sau:

Đơn vị: đồng/người dân/năm	
Vùng	Định mức phân bổ
Đô thị	12.800
Đồng bằng	14.100

Định mức trên đã bao gồm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ: Chi con người và chi khác; chi hoạt động Trung tâm văn hóa, nhà văn hóa, thư viện; hoạt động của đội thông tin lưu động; Tổ chức các lễ hội văn hóa và các hoạt động văn hóa - thông tin; chi hoạt động của Ban chỉ đạo toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; tuyên truyền cổ động trực quan và xe tuyên truyền lưu động; hoạt động bảo tồn bảo tàng; và các hoạt động chuyên môn khác thuộc lĩnh vực.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung cho các nội dung sau: Tổ chức các lễ hội, các sự kiện văn hóa trên địa bàn; hỗ trợ hoạt động của các thiết chế văn hóa (kể cả bảo vệ, duy tu, bảo dưỡng...); thực hiện Chỉ thị 52-CT/TW (hỗ trợ đời sống vật

chất tinh thần cho công nhân các khu công nghiệp); bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng người Cơ tu.

c) Số thu phí thăm quan danh thắng Ngũ Hành Sơn được cân đối cho ngân sách quận Ngũ Hành Sơn để chi phục vụ hoạt động của Ban quản lý khu danh thắng, chi đầu tư, tôn tạo, duy tu, bảo dưỡng khu danh thắng.

### **5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục thể thao**

Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số như sau:

Đơn vị: đồng/người dân/năm	
Vùng	Định mức phân bổ
Đô thị	7.700
Đồng bằng	8.500

Định mức trên bao gồm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên, chi bồi dưỡng, tập huấn, tổ chức các giải thi đấu thể dục thể thao; chi các hoạt động thể dục thể thao khác trên địa bàn.

### **6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh truyền hình**

a) Định mức phân bổ cho các Đài truyền thanh quận (*Sơn Trà, Liên Chiểu, Ngũ Hành Sơn, Cẩm Lệ, Hòa Vang*) theo tiêu chí: đảm bảo kinh phí chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương; Chi khác theo định biên được giao và chi thực hiện nhiệm vụ chuyên môn (gồm chi nhuận bút, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ máy móc thiết bị của Đài).

b) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung để đảm bảo kinh phí hoạt động của Trạm phát lại truyền hình Hòa Bắc.

### **7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**

Phân bổ theo mức 300 triệu đồng/quận, huyện để chi hỗ trợ triển khai các ứng dụng khoa học theo phân cấp. Riêng huyện Hòa Vang phân bổ 400 triệu đồng.

### **8. Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội**

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số như sau:

Đơn vị: đồng/người dân/năm	
Vùng	Định mức phân bổ
Đô thị	6.900
Đồng bằng	7.500

Định mức trên đã bao gồm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo xã hội như: Hỗ trợ mai táng phí cho các đối tượng theo phân cấp; Thăm hỏi gia đình thuộc diện chính sách nhân ngày lễ, tết; Phòng chống các tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác do cấp quận, huyện thực hiện; Chi cho chăm sóc bảo vệ trẻ em; Chi hỗ trợ khó khăn đột xuất; Phối hợp thực hiện chương trình thành phố “5 không, 3 có”; Hỗ trợ những người bị tàn tật nặng do di chứng của bệnh phong và các nhiệm vụ đảm bảo xã hội khác.

b) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung, gồm các chế độ, chính sách:

- Bộ đội xuất ngũ bị tâm thần theo Quyết định số 24/2010/QĐ-UBND ngày 23/8/2010 của UBND thành phố Đà Nẵng.

- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ phường, xã nghỉ việc theo Quyết định số 130/CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ, Quyết định 111/HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng.

- Trợ cấp hàng tháng đối với đối tượng thuộc hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và hộ nghèo không còn sức lao động theo Quyết định số 1465/QĐ-UBND ngày 17/3/2016 của UBND thành phố Đà Nẵng.

- Trợ cấp hàng tháng cho người mắc bệnh hiểm nghèo theo Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 của UBND thành phố Đà Nẵng.

- Hỗ trợ cho những người ngừng hưởng trợ cấp mất sức lao động theo Quyết định số 34/2009/QĐ-UBND ngày 23/12/2009 và Quyết định 45/2010/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 của UBND thành phố Đà Nẵng.

- Bảo hiểm y tế cho trẻ em khuyết tật từ 6-16 tuổi và người cao tuổi hưởng tuất.

- Mừng thọ cho Người cao tuổi theo Luật Người cao tuổi.

- Thực hiện Đề án hỗ trợ lâu dài cho đối tượng chính sách đang hưởng trợ cấp không còn khả năng lao động có hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn theo QĐ 170/2004/QĐ-UBND ngày 25/10/2004.

- Trợ cấp thường xuyên đối với người có công cách mạng mắc bệnh hiểm nghèo có hoàn cảnh khó khăn theo QĐ 14/2009/QĐ-UBND ngày 30/5/2009 và QĐ 47/2010/QĐ-UBND ngày 27/12/2010.

- Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến theo QĐ 40/2011/QĐ-TTg.

- Trợ cấp hàng tháng cho thương binh theo Quyết định 05/2015/QĐ-UBND ngày 25/2/2015 của UBND thành phố Đà Nẵng.

- Thực hiện dịch vụ chi trả qua bưu điện theo QĐ 6207/QĐ-UBND ngày 13/9/2016.

- Tổ chức quản lý đối tượng cai nghiện và sau cai nghiện tại cộng đồng.

- Thực hiện công tác quản trang.

- Thực hiện chương trình Bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016-2020.

- Chênh lệch kinh phí phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng.

- Mua báo nhân dân hàng tuần, quý cho cán bộ lão thành cách mạng.

- Hỗ trợ kinh phí duy trì thường xuyên hoạt động Đài tưởng niệm liệt sĩ.

### **9. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể**

a) Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương được tính theo quy định hiện hành;

b) Chi quản lý hành chính theo định biên được giao, định mức theo định biên như sau:

Đơn vị: triệu đồng/định biên/năm

Đơn vị	Định mức phân bổ
1. Cơ quan Đảng	52
2. Cơ quan hành chính, tổ chức chính trị - xã hội	36
3. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các hội đặc thù	32

c) Phân bổ 10% trên tổng chi quản lý hành chính (theo cơ cấu 90% chi con người và chi khác theo định biên, 10% chi nhiệm vụ đặc thù) để thực hiện các nhiệm vụ chi đặc thù quản lý nhà nước.

d) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung đối với các nội dung sau:

- Hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp quận.
- Khen thưởng tập trung theo quy định của Luật thi đua khen thưởng (0,5% trên tổng chi thường xuyên).

- Thực hiện chương trình vệ sinh an toàn thực phẩm.

đ) Đảm bảo kinh phí hoạt động, kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản của cơ quan Đảng theo quy định.

e) Đảm bảo kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của huyện đảo Hoàng Sa theo phê duyệt của cấp thẩm quyền.

## 10. Định mức phân bổ chi quốc phòng

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Đô thị	13.400
Đồng bằng	12.100

Định mức trên bao gồm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên, nhiệm vụ quốc phòng do ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của Luật NSNN; kinh phí thực hiện chế độ dân quân tự vệ theo Luật dân quân tự vệ,...

b) Phân bổ bổ sung kinh phí hoạt động của Trung đội dân quân biển tập trung; hỗ trợ kinh phí hoạt động của các đồn biên phòng; kinh phí hoạt động của Tổ quân báo nhân dân các quận, huyện; hỗ trợ đăng ký, khám tuyển quân nghĩa vụ quân sự.

## 11. Định mức phân bổ chi an ninh

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Đô thị	8.200
Đồng bằng	7.400

Định mức trên bao gồm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ an ninh do ngân sách địa phương thực hiện theo quy định của Luật NSNN.

b) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung kinh phí thực hiện công tác phòng cháy chữa cháy tại Đội Phòng cháy chữa cháy.

## **12. Mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế**

a) Mức phân bổ bằng 9% trên tổng chi thường xuyên các lĩnh vực (từ Khoản 1 đến Khoản 11, Điều 6), để thực hiện các chương trình, đề án, nhiệm vụ của từng ngành, lĩnh vực theo phân cấp gồm: thủy sản nông lâm, tài nguyên, giao thông công chính, kiến thiết thị chính và sự nghiệp kinh tế khác.

b) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung cho các nhiệm vụ sau:

- Miễn thu thủy lợi phí.
- Bảo vệ và phát triển rừng theo Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg.
- Hỗ trợ địa phương sản xuất lúa theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.
- Đầu tư, phát triển làng đá mỹ nghệ Non nước (bao gồm kinh phí vận hành trạm xử lý nước thải).

## **13. Mức phân bổ chi sự nghiệp môi trường**

Mức phân bổ bằng 1% trên tổng chi thường xuyên các lĩnh vực (từ Khoản 1 đến Khoản 11, Điều 6) để thực hiện các nhiệm vụ chi thuộc lĩnh vực (trong đó đã bao gồm kinh phí thực hiện đề án Thành phố môi trường).

## **14. Mức phân bổ chi khác ngân sách**

Mức phân bổ bằng 2% trên tổng chi thường xuyên ngân sách cấp quận (từ Khoản 1 đến Khoản 13, Điều 6).

## **15. Dự phòng ngân sách**

Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách nhà nước, phân bổ dự phòng ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

## **16. Đối với các quận, huyện có tỷ lệ điều tiết về ngân sách thành phố**

Trường hợp với định mức phân bổ trên các quận, huyện có đóng góp về ngân sách thành phố từ 30% trở lên được phân bổ thêm 30% số chi tính theo định mức dân số nêu trên; các quận, huyện có đóng góp về ngân sách thành phố từ trên 15% đến dưới 30% được phân bổ thêm 20% số chi tính theo định mức dân số nêu trên; các quận, huyện có tỷ lệ điều tiết về ngân sách thành phố còn lại được phân bổ thêm 10% số chi tính theo định mức dân số nêu trên.

## **17. Ngân sách thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho các địa phương để thực hiện các chính sách, chế độ, chương trình, đề án**

a) Đối với các địa phương có tổ chức diễn tập phòng thủ khu vực được Quân khu giao; thực hiện huy động nhân lực, tàu thuyền và phương tiện dân sự tham gia bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền các vùng biển của nước Cộng hòa xã hội chủ

ngĩa Việt Nam theo Nghị định số 30/2010/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ, ngân sách thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho các địa phương theo khả năng cân đối ngân sách thành phố.

b) Kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP; hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng; kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP; trợ cấp tết cho các đối tượng chính sách, bảo trợ xã hội; kinh phí thăm tặng quà 27/7 cho các đối tượng chính sách; kinh phí sửa chữa, xây mới nhà ở cho đối tượng chính sách; kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản; hỗ trợ lại tiền sử dụng đất cho ngân sách huyện Hòa Vang để thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ; kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách, chương trình, đề án, tổ chức các sự kiện theo chủ trương của thành phố.

### **Điều 7. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các phường, xã**

Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số được phân vùng đối với phường, xã nêu trên; đối với 8 xã thuộc huyện Hòa Vang được phân bổ thêm hệ số ưu tiên 1,05.

**1. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục:** Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị: đồng/người dân/năm	
Vùng	Định mức phân bổ
Vùng 1	14.300
Vùng 2	15.700
Vùng 3	17.100

Định mức chi trên được xác định trên cơ sở kế thừa định mức phân bổ theo Quyết định số 41, để thực hiện hỗ trợ các hoạt động giáo dục trên địa bàn, trong đó đã bao gồm kinh phí cho Trung tâm học tập cộng đồng tại phường, xã; kinh phí "Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020" theo Đề án 281.

### **2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế**

Phân bổ kinh phí hoạt động cho Ban chỉ đạo thực hiện công tác dân số với định mức 3 triệu đồng/ phường, xã; hỗ trợ các hoạt động y tế trên địa bàn.

### **3 Định mức phân bổ chi văn hóa – thông tin**

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số như sau:

Đơn vị: đồng/người dân/năm	
Vùng	Định mức phân bổ
Vùng 1	3.600
Vùng 2	4.000
Vùng 3	4.300

Định mức trên đã bao gồm các nhiệm vụ chi thường xuyên, chi tổ chức các hoạt động văn hóa thông tin, tuyên truyền giáo dục pháp luật về văn hóa ở cơ sở; Chi hoạt động của Ban chỉ đạo toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và các hoạt động văn hóa khác trên địa bàn phường, xã.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Hỗ trợ kinh phí hoạt động các thiết chế văn hóa trên địa bàn phường, xã (trong đó bao gồm kinh phí quản lý, duy tu, bảo dưỡng các thiết chế như khu vui chơi giải trí, khu thể thao, công viên vườn dạo, nhà sinh hoạt đồng,...)

**4. Định mức phân bổ chi thể dục – thể thao:** Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Vùng 1	4.300
Vùng 2	4.700
Vùng 3	5.100

**5. Định mức phân bổ chi phát thanh – truyền hình:**

Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên Trạm truyền thanh phường xã, (trong đó bao gồm cả kinh phí mua sắm, duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị), cụ thể như sau:

Đơn vị: triệu đồng/phường, xã/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Vùng 1	50
Vùng 2	55
Vùng 3	60

**6. Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội:** Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Vùng 1	7.600
Vùng 2	8.300
Vùng 3	9.100

Định mức phân bổ trên đã bao gồm hỗ trợ mai táng phí cho các đối tượng theo phân cấp, các hoạt động đảm bảo xã hội do phường, xã quản lý.

**7. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể**

a) Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương được tính theo quy định hiện hành;

b) Chi quản lý hành chính theo định biên được giao, định mức theo định biên như sau:

- Cán bộ chuyên trách và công chức phường xã (kể cả sinh viên thu hút, cán bộ đề án 89): 28 triệu đồng/định biên/năm.

- Cán bộ không chuyên trách: 20 triệu đồng/định biên/năm.

c) Phân bổ 12% trên tổng chi quản lý hành chính (theo cơ cấu 88% chi lương và chi khác theo định biên, 12% chi nhiệm vụ đặc thù) để thực hiện các nhiệm vụ chi đặc thù quản lý nhà nước.

d) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung đối với các nội dung sau: Hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp phường; khen thưởng tập trung theo quy định của Luật thi đua khen thưởng (0,5% trên tổng chi thường xuyên); mua thẻ BHYT cho Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng thôn, Bí thư chi bộ Tổ dân phố, thôn, Trưởng ban Công tác mặt trận; kinh phí thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm.

đ) Đảm bảo kinh phí hoạt động đặc thù, mua sắm, sửa chữa tài sản của cơ quan Đảng theo quy định.

## 8. Định mức phân bổ chi quốc phòng

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số như sau:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Vùng 1	15.500
Vùng 2	14.100
Vùng 3	17.000

b) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung đối với kinh phí chi phụ cấp và kinh phí hoạt động cho các lực lượng dân quân tự vệ, dân quân thường trực (Được tính theo mức phụ cấp và định mức chi quy định); kinh phí hoạt động của Tổ quân báo nhân dân các xã, phường.

## 9. Định mức phân bổ chi an ninh

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số như sau:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Vùng 1	12.400
Vùng 2	11.300
Vùng 3	13.500

b) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung đối với các nội dung sau:

- Chi phụ cấp và kinh phí hoạt động cho các lực lượng lực lượng dân phòng;
- Chi phụ cấp và trang phục cho Ban bảo vệ tổ dân phố;
- Chi phụ cấp, kinh phí tuần tra đêm cho công an viên tại xã;
- Chi phụ cấp, kinh phí hoạt động của công an viên tại thôn;
- Chi tuần tra đêm và hỗ trợ hoạt động của Đội tuần tra phối hợp;
- Mua báo cho Công an xã, phường và đội dân phòng.

**10. Mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế:** Mức phân bổ bằng 3% trên tổng chi thường xuyên (từ Khoản 1 đến Khoản 9, Điều 7), để thực hiện các nhiệm vụ chi cho

các nhiệm vụ thuộc các lĩnh vực được phân cấp gồm: thủy sản nông lâm, tài nguyên, giao thông công chính, kiến thiết thị chính và sự nghiệp kinh tế khác.

**11. Mức phân bổ chi sự nghiệp môi trường:** Mức phân bổ bằng 1% trên tổng chi thường xuyên (từ Khoản 1 đến Khoản 9, Điều 7) bao gồm các hoạt động liên quan đến bảo vệ môi trường theo phân cấp, kinh phí hoạt động của Đội tình nguyện viên môi trường.

**12. Mức phân bổ chi khác ngân sách:** Mức phân bổ bằng 2% trên tổng chi thường xuyên ngân sách cấp xã (từ Khoản 1 đến Khoản 11, Điều 7).

**13. Dự phòng ngân sách:** Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách nhà nước, phân bổ dự phòng ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

### **Điều 8. Đối với các năm trong thời kỳ ổn định**

1. Ngân sách thành phố sẽ hỗ trợ theo quy định đối với các chính sách mới, chính sách tăng mức chi so với định mức đã tính trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2017, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách.

Các chế độ chính sách đã tính năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, không thay đổi kinh phí (do tăng mức, mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách) các địa phương chủ động bố trí ngân sách địa phương để thực hiện; trường hợp có thừa thiếu kinh phí so với mức đã bố trí năm đầu thời kỳ ổn định, các địa phương có báo cáo kết quả thực hiện, Sở Tài chính sẽ trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán ngân sách để các địa phương có nguồn triển khai thực hiện.

2. Trong thời kỳ ổn định ngân sách, trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động làm ngân sách địa phương tăng thu lớn, UBND thành phố trình HĐND thành phố phương án xử lý theo đúng quy định tại Điểm 7 Điều 9 Luật NSNN năm 2015.

### **Điều 9. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách địa phương**

1. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia cho ngân sách quận huyện: chi tiết theo phụ lục I.

2. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia cho ngân sách từng phường, xã: chi tiết theo phụ lục II.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Xuân Anh**



**Phụ lục I**

**TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU  
PHÂN CHIA CHO NGÂN SÁCH QUẬN, HUYỆN NĂM 2017**

(Kèm theo Nghị quyết số 64 /2016/NQ-HĐND ngày 08 /12/2016 của HĐND TP Đà Nẵng)

*ĐVT: Phần trăm(%)*

STT	Quận, huyện	Trung ương	Địa phương	Trong đó	
				NSTP	NSQ,H
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2=3+4</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
1	Quận Hải Châu	32	68	28	40
2	Quận Thanh Khê	32	68	0	68
3	Quận Liên Chiểu	32	68	0	68
4	Quận Sơn Trà	32	68	0	68
5	Quận Ngũ Hành Sơn	32	68	0	68
6	Quận Cẩm Lệ	32	68	0	68
7	Huyện Hòa Vang	32	68	0	68

**Ghi chú:**

Tỷ lệ phân chia ở trên được áp dụng đối với các nguồn thu: Thuế Giá trị gia tăng, Thuế Thu nhập doanh nghiệp, Thuế Thu nhập cá nhân, Thuế Tiêu thụ đặc biệt do Chi cục thuế quận, huyện trực tiếp quản lý thu.

**Phụ lục II**

**TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA  
CHO NGÂN SÁCH TỪNG PHƯỜNG, XÃ NĂM 2017**

(Kèm theo Nghị quyết số 64 /2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND TP Đà Nẵng)

DVT: Phần trăm(%)

STT	Phường, xã	Thuế giá trị gia tăng	Thuế thu nhập cá nhân	Thuế tiêu thụ đặc biệt	Lệ phí môn bài	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	Lệ phí trước bạ nhà đất
A	B	1	2	3	4	5	6
	<b>Quận Hải Châu</b>						
1	Hải Châu 1	36	36	36	80	80	
2	Hải Châu 2	23	23	23	80	80	
3	Phước Ninh	40	40	40	80	80	
4	Thạch Thang	40	40	40	80	80	
5	Nam Dương	40	40	40	80	80	
6	Hòa Cường Bắc	40	40	40	80	80	
7	Hòa Cường Nam	40	40	40	80	80	
8	Hòa Thuận Đông	40	40	40	80	80	
9	Hòa Thuận Tây	40	40	40	80	80	
10	Bình Thuận	40	40	40	80	80	
11	Bình Hiên	40	40	40	80	80	
12	Thanh Bình	40	40	40	80	80	
13	Thuận Phước	40	40	40	80	80	
	<b>Quận Thanh Khê</b>						
1	Vĩnh Trung	68	68	68	80	80	
2	Thạc Gián	68	68	68	80	80	
3	Chính Gián	68	68	68	80	80	
4	Tân Chính	68	68	68	80	80	
5	An Khê	68	68	68	80	80	
6	Thanh Khê Đông	68	68	68	80	80	
7	Xuân Hà	68	68	68	80	80	
8	Hòa Khê	68	68	68	80	80	
9	Thanh Khê Tây	68	68	68	80	80	
10	Tam Thuận	68	68	68	80	80	
	<b>Quận Liên Chiểu</b>						
1	Hòa Khánh Nam	68	68	68	80	80	
2	Hòa Khánh Bắc	68	68	68	80	80	
3	Hòa Minh	68	68	68	80	80	
4	Hòa Hiệp Nam	68	68	68	80	80	
5	Hòa Hiệp Bắc	68	68	68	80	80	
	<b>Quận Sơn Trà</b>						
1	An Hải Đông	68	68	68	80	80	
2	An Hải Tây	68	68	68	80	80	

STT	Phường, xã	Thuế giá trị gia tăng	Thuế thu nhập cá nhân	Thuế tiêu thụ đặc biệt	Lệ phí môn bài	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	Lệ phí trước bạ nhà đất
A	B	1	2	3	4	5	6
3	An Hải Bắc	68	68	68	80	80	
4	Phước Mỹ	68	68	68	80	80	
5	Thọ Quang	68	68	68	80	80	
6	Nại Hiên Đông	68	68	68	80	80	
7	Mân Thái	68	68	68	80	80	
	<b>Quận Ngũ Hành Sơn</b>						
1	Mỹ An	68	68	68	80	80	
2	Khuê Mỹ	68	68	68	80	80	
3	Hòa Hải	68	68	68	80	80	
4	Hòa Quý	68	68	68	80	80	
	<b>Quận Cẩm Lệ</b>						
1	Khuê Trung	68	68	68	80	80	
2	Hòa Thọ Đông	68	68	68	80	80	
3	Hòa An	68	68	68	80	80	
4	Hòa Xuân	68	68	68	80	80	
5	Hòa Thọ Tây	68	68	68	80	80	
6	Hòa Phát	68	68	68	80	80	
	<b>Huyện Hoà Vang</b>						
1	Hòa Tiến	68	68	68	80	80	80
2	Hòa Châu	68	68	68	80	80	80
3	Hòa Phước	68	68	68	80	80	80
4	Hòa Nhơn	68	68	68	80	80	80
5	Hòa Phong	68	68	68	80	80	80
6	Hòa Khương	68	68	68	80	80	80
7	Hòa Sơn	68	68	68	80	80	80
8	Hòa Liên	68	68	68	80	80	80
9	Hòa Ninh	68	68	68	80	80	80
10	Hòa Bắc	68	68	68	80	80	80
11	Hòa Phú	68	68	68	80	80	80

**Ghi chú:**

- Thuế giá trị gia tăng, tiêu thụ đặc biệt và thuế môn bài áp dụng đối với các hộ kinh doanh cá thể

- Đối với lệ phí môn bài, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, lệ phí trước bạ: được điều tiết cho ngân sách quận, huyện hưởng 100% và tiếp tục phân chia giữa ngân sách quận, huyện với ngân sách phường, xã theo tỷ lệ nêu trên.

- Đối với thuế sử dụng đất nông nghiệp nếu trên thực tế có phát sinh thì điều tiết cho ngân sách phường, xã hưởng 100%.